TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 192/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 281/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phan Huyền T, sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: Số 393D, ấp B, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Văn L, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Số 153A, ấp H, xã HĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/3/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 26/6/2023, bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phan Như Y, sinh ngày: 21/9/2011. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận ông Trần Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà Phan Huyền T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: giao cho ông Trần Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Phan Như Ý, sinh ngày: 21/9/2011. Ghi nhận ông Trần Văn L không yêu cầu bà Phan Huyền T cấp dưỡng nuôi con. Bà Phan Huyền T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Phan Huyền T và ông Trần Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003040 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út